

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18/02/2022

"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dực

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đ Ngọc - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Dương Thị Th Hồng - Chủ tịch Hội phụ nữ xã Cẩm Ninh

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

**- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2021/TLST - HNGĐ ngày 29/11/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 06/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1988 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Hoàng Thế Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Hoàng Thế Đ, sinh ngày 06/12/2009

2. Cháu Hoàng Thị Thanh Tr, sinh ngày 04/5/2012

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị Th- Mẹ đẻ của các cháu

Đều trú tại: CT, XT, Ân Thi, Hưng Yên

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2021 và lời khai của chị Th trình bày chị và anh Đ quen biết nhau và tự tìm hiểu nhau qua 01 năm thì tiến tới hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Tr vào ngày 20/8/2008. Sau khi cưới chị về ngay gia đình anh Đ chung sống, anh chị chung sống với bố mẹ chồng, quá trình chung sống anh chị chung sống một thời gian hòa thuận, hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Đ mãi chơi, không quan tâm chăm sóc vợ con, bỏ bê công

việc gia đình, đã nhiều lần chị nói chuyện với anh Đ nhưng anh Đ không thay đổi, gia đình hai bên có khuyên bảo anh Đ nhưng anh Đ không nghe, đến nay anh làm gì chị cũng không rõ, anh Đ thường đi làm xa, không về, về một lúc lại đi cũng không đưa tiền để chị nuôi con, chị có bảo anh Đ về gần nhà làm nhưng anh Đ không chịu, vì mãi chơi nên anh Đ vay nợ nhiều, sau khi bố chồng chị mất, chị xác định vợ chồng không ở với nhau nữa nên chị về nhà bố mẹ để ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Hoàng Thế Quý ( chú ruột của anh Đ) trình bày: Anh chị tự tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo 02 gia đình, 02 gia đình nói chuyện, khi hai gia đình nói chuyện ông tham gia và đưa ra ý kiến, có nói về tình hình của Đ là mãi chơi, nhưng chị Th vẫn quyết định tiến tới hôn nhân với anh Đ, hai gia đình tổ chức cưới cho anh chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Tr vào năm 2008. Sau khi cưới chị Th về ngay gia đình chồng chung sống, việc anh chị chung sống có mâu thuẫn hay không ông không rõ. Chị Th có đến nói chuyện với gia đình ông là không ở được với anh Đ, ông có khuyên chị Th suy nghĩ lại nhưng chị Th vẫn kiên quyết ly hôn. Nay chị Th xin ly hôn việc anh chị có tiếp tục chung sống được với nhau hay không là quyền của anh chị.

Về con chung: Anh Đ, chị Th có 02 con chung là Hoàng Thế Đ, sinh năm 2009 và Hoàng Thị Thanh Tr, sinh năm 2012. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Th.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không rõ.

Tại biên bản lấy lời khai bà Đỗ Thị Hiền (mẹ đẻ của chị Th) trình bày: Anh chị tự quen biết nhau, có thời gian tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo hai gia đình, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Tr vào năm 2008. Sau khi cưới anh chị chung sống với ngay gia đình chồng tại CT, XT. Quá trình chung sống do anh Đ chơi bời, không chịu làm ăn, chị Th đã nhiều lần khuyên nhưng anh Đ không thay đổi, gia đình hai bên cũng khuyên anh Đ chịu khó làm ăn để chữa bệnh cho con nhưng anh Đ để mặc mẹ con chị Th, cũng may gia đình chồng chị Th cư mang mẹ con chị Th, trông nom con cho chị Th, nhiều lần cháu Đ phải ốm, đến năm 2019 bố anh Đ mất, anh Đ chơi bời dẫn đến nợ nần, bỏ đi làm thỉnh thoảng mới về, trong khi chị Th đi làm, không ai trông nom con cái, chị Th về nhà bà ở. Nay chị Th xin ly hôn việc anh chị có tiếp tục chung sống được với nhau hay không là quyền của anh chị.

Về con chung: Anh Đ, chị Th có 02 con chung là Hoàng Thế Đ, sinh năm 2009 và Hoàng Thị Thanh Tr, sinh năm 2012. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Th.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không rõ

Tại biên bản xác minh với UBND xã Xuân Tr: Anh Đ, chị Th là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Tr vào ngày 20/8/2008 tại số 38. Quá trình chị Th, anh Đ chung sống với nhau có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được. Hiện

nay anh Đ vắng mặt tại địa phương khoảng mấy tháng nay, đi đâu làm gì không rõ, còn mẹ con chị Th về ngoại ở.

Về con chung: Anh Đ, chị Th có 02 con chung là Hoàng Thế Đ, sinh ngày 06/12/2009 và Hoàng Thị Thanh Tr, sinh ngày 04/5/2012.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 21/01/2022: Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Còn anh Đ được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX đã hoãn phiên tòa theo quy định.

Tại phiên tòa ngày 18/02/2022: Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh Đ được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 228, 238 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

**\* Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký cơ bản chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị Th.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Thế Đ, sinh ngày 06/12/2009 và Hoàng Thị Thanh Tr, sinh ngày 04/5/2012 cho cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét

- Về án phí: Chị Th phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện VKSND huyện, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ, chị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Tr vào ngày 20/08/2008. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Đ, chị Th là hợp pháp. Nay chị Th có đơn xin ly hôn được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại CT, XT, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án Thộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Th xác định vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2014 thì mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Đ chơi bời, bỏ bê công việc gia đình, không chăm sóc, quan tâm gì đến vợ con, chị và gia đình đã khuyên anh Đ nhưng anh Đ không thay đổi, anh Đ chơi bời nên dẫn đến nợ nần thường xuyên đi làm nơi khác, thỉnh thoảng mới về nhưng không đưa tiền cho chị nuôi con, đến năm 2020 bố anh Đ mất, anh Đ không thay đổi, chị Th mang con về bố mẹ đẻ ở. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị Th đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Đ đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, anh Đ biết nhưng anh đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hoà giải đoàn tụ vợ chồng cho anh chị được. HĐXX thấy việc chị Th trình bày anh Đ mãi chơi phù hợp với lời khai của ông Quý (chú ruột của anh Đ), bà Hiền (mẹ đẻ của chị Th), anh chị đã có thời gian dài sống ly thân nhau từ năm 2014 mà không có biện pháp gì để về đoàn tụ, bởi vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị Th, anh Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ không đến Tòa để thể hiện quan điểm của mình điều đó chứng tỏ anh Đ, chị Th không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Đ, chị Th có 02 con chung là Hoàng Thế Đ, sinh ngày 06/12/2009 và Hoàng Thị Thanh Tr, sinh ngày 04/5/2012. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị Th. Quá trình giải quyết vụ án chị Th có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, anh Đ không đến Tòa nên không thể hiện quan điểm, nguyện vọng của anh Đ trong hồ sơ. Xét nguyện vọng của chị Th thì thấy hiện nay chị Th đang làm công nhân, Th nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng, hơn nữa cháu Đ bị khiếm khuyết cần có người chăm sóc, gia đình anh Đ bố mẹ đã chết, chị Th hiện nay đang ở với bố mẹ đẻ tại Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi, thời gian chị Th đi làm đã có mẹ đẻ trông nom, chăm sóc giúp, hơn nữa nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với mẹ. Để tránh xáo trộn việc học tập và sinh hoạt của con chung nên HĐXX giao cả hai con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về cấp dưỡng, chị Th không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con vì chị cũng có Th nhập ổn định, vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, đây là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Sau này anh Đ có yêu cầu sẽ xem xét ở một vụ việc dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.  
*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;  
- Khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức Th, miễn giảm, Th nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Th được ly hôn anh Hoàng Thế Đ

2- Về con chung: Giao hai con chung là Hoàng Thế Đ, sinh ngày 06/12/2009 và Hoàng Thị Thanh Tr, sinh ngày 04/5/2012 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này anh Đ có yêu cầu Tòa án sẽ xem xét ở một vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

4 - Về án phí : Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai Th số 0003028 ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị Th đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Anh Đ, chị Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GDKT tỉnh;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Xuân Tr, Ân Thi;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đồng Dục**

